

VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA****ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 1791/QĐ-UBND

Khánh Hòa, ngày 08 tháng 7 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH**Về việc công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp
Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015.****CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2014 của Thủ
tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn
quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ
thống hành chính nhà nước;*

*Căn cứ Quyết định số 101/QĐ-BKHCN ngày 29 tháng 01 năm 2019 của Bộ
Khoa học và Công nghệ về việc công bố Mô hình khung hệ thống quản lý chất
lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 cho các cơ quan, tổ chức
thuộc hệ thống hành chính nhà nước tại địa phương;*

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố Hệ thống quản lý chất lượng tại Ủy ban nhân dân tỉnh,
Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO
9001:2015 theo quy định tại Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3
năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ đối với 69 lĩnh vực hoạt động (416 thủ tục)
tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1646/QĐ-UBND ngày 17 tháng 7 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Trưởng các phòng, ban, trung tâm trực thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Tấn Tuân

PHỤ LỤC
CÁC LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA
ĐƯỢC CÔNG BỐ PHÙ HỢP TIÊU CHUẨN QUỐC GIA TCVN ISO 9001:2015

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1791/QĐ-UBND
ngày 08 tháng 7 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa)*

TT	Tên TTHC áp dụng HTQLCL
1	LĨNH VỰC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THUỘC BQL KKT VÂN PHONG
1.1	Chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh đối với dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh sân golf
1.2	Điều chỉnh dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh
1.3	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ dự án đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý
1.4	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư nhận chuyển nhượng dự án đầu tư là tài sản bảo đảm đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý
1.5	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, sáp nhập dự án đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý
1.6	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý
1.7	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để góp vốn vào doanh nghiệp đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý
1.8	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để hợp tác kinh doanh đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý
1.9	Điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài đối với dự án đầu tư đã được chấp thuận chủ trương đầu tư
1.10	Gia hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý

2	LĨNH VỰC DU LỊCH
2.1	Công nhận Khu du lịch cấp tỉnh
2.2	Công nhận điểm du lịch
2.3	Hỗ trợ Hướng dẫn viên du lịch bị ảnh hưởng bởi đại dịch COVID-19
3	LĨNH VỰC TÍN NGƯỠNG, TÔN GIÁO
3.1	Đề nghị công nhận tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh
3.2	Đăng ký sửa đổi hiến chương của tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh
3.3	Đề nghị thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh
3.4	Đăng ký chuyển chức sắc, chức việc, nhà tu hành là người đang bị buộc tội hoặc người chưa được xóa án tích
3.5	Đề nghị sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam
3.6	Đề nghị mời tổ chức, cá nhân nước ngoài vào Việt Nam thực hiện hoạt động tôn giáo ở một tỉnh
3.7	Đề nghị mời chức sắc, nhà tu hành là người nước ngoài đến giảng đạo cho tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo ở một tỉnh
3.8	Đề nghị thay đổi tên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh
3.9	Đề nghị thay đổi trụ sở của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc
3.10	Thông báo về việc thay đổi trụ sở của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở nhiều tỉnh
3.11	Đề nghị cấp đăng ký pháp nhân phi thương mại cho tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh
3.12	Đề nghị tự giải thể tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định của hiến chương
3.13	Đề nghị giải thể tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định của hiến chương của tổ chức
3.14	Thông báo về việc đã giải thể tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định của hiến chương của tổ chức

3.15	Thông báo tổ chức quyên góp không thuộc quy định tại điểm a và điểm b khoản 3 Điều 19 của Nghị định số 162/2017/NĐ-CP
4	LĨNH VỰC VĂN THƯ - LƯU TRỮ
4.1	Thủ tục phục vụ việc sử dụng tài liệu của độc giả tại phòng đọc thuộc thẩm quyền cho phép của Chủ tịch UBND tỉnh
5	LĨNH VỰC BẢO TRỢ XÃ HỘI
5.1	Thành lập cơ sở trợ giúp xã hội công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
5.2	Tổ chức lại, giải thể cơ sở trợ giúp xã hội công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
6	LĨNH VỰC TỔ CHỨC PHI CHÍNH PHỦ
6.1	Thủ tục thành lập Hội
6.2	Thủ tục phê duyệt Điều lệ Hội
6.3	Thủ tục cho phép hội đặt Văn phòng đại diện
6.4	Thủ tục đổi tên Hội
6.5	Thủ tục Hội tự giải thể
6.6	Thủ tục chia, tách, sáp nhập, hợp nhất Hội
6.7	Thủ tục báo cáo tổ chức Đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường
6.8	Cấp giấy phép thành lập và công nhận Điều lệ quỹ
6.9	Thay đổi Giấy phép thành lập và công nhận Điều lệ quỹ (sửa đổi, bổ sung)
6.10	Cấp lại Giấy phép thành lập và công nhận Điều lệ quỹ
6.11	Công nhận Quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận thành viên Hội đồng quản lý Quỹ
6.12	Công nhận thay đổi, bổ sung thành viên Hội đồng quản lý Quỹ
6.13	Đổi tên Quỹ

6.14	Cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị đình chỉ có thời hạn hoạt động
6.15	Hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, mở rộng phạm vi hoạt động quỹ
6.16	Tự giải thể quỹ
7	LĨNH VỰC NGOẠI VỤ
7.1	Thủ tục xét cho phép sử dụng Thẻ đi lại của doanh nhân APEC đối với công chức, viên chức các sở, ban, ngành thuộc tỉnh có nhiệm vụ tham dự các cuộc họp, hội nghị, hội thảo và các hoạt động kinh tế khác của APEC
8	LĨNH VỰC DI SẢN VĂN HÓA
8.1	Cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập
8.2	Cấp giấy phép khai quật khẩn cấp
8.3	Công nhận bảo vật quốc gia đối với bảo tàng cấp tỉnh, ban hoặc trung tâm quản lý di tích
8.4	Thủ tục công nhận bảo vật quốc gia đối với bảo tàng ngoài công lập, tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu hoặc đang quản lý hợp pháp hiện vật
9	LĨNH VỰC MỸ THUẬT, NHIẾP ẢNH, TRIỂN LÃM
9.1	Thủ tục cấp giấy phép triển lãm mỹ thuật
9.2	Cấp giấy phép xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng
9.3	Thủ tục cấp giấy phép tổ chức trại sáng tác điêu khắc
9.4	Cấp giấy phép triển lãm tác phẩm nhiếp ảnh tại Việt Nam
9.5	Thủ tục cấp giấy phép đưa tác phẩm nhiếp ảnh từ Việt Nam ra nước ngoài triển lãm
10	LĨNH VỰC NGHỆ THUẬT BIỂU DIỄN
10.1	Thủ tục tổ chức biểu diễn nghệ thuật trên địa bàn quản lý (không thuộc trường hợp trong khuôn khổ hợp tác quốc tế của các hội chuyên ngành về nghệ thuật biểu diễn thuộc Trung ương, đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng biểu diễn nghệ thuật thuộc Trung ương)

10.2	Thủ tục tổ chức cuộc thi, liên hoan trên địa bàn quản lý (không thuộc trường hợp toàn quốc và quốc tế của các hội chuyên ngành về nghệ thuật biểu diễn thuộc Trung ương, đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng biểu diễn nghệ thuật thuộc Trung ương)
10.3	Thủ tục tổ chức cuộc thi người đẹp, người mẫu
11	LĨNH VỰC VĂN HÓA CƠ SỞ
11.1	Thủ tục cấp giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam
11.2	Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam
11.3	Thủ tục cấp lại giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam
11.4	Thủ tục đăng ký tổ chức lễ hội cấp tỉnh
11.5	Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội cấp tỉnh
12	LĨNH VỰC GIA ĐÌNH
12.1	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình
12.2	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình
12.3	Thủ tục đổi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình
12.4	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình
12.5	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình
12.6	Thủ tục đổi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình
13	LĨNH VỰC THỂ THAO
13.1	Thủ tục đăng cai giải thi đấu, trận thi đấu do liên đoàn thể thao quốc gia hoặc liên đoàn thể thao quốc tế tổ chức hoặc đăng cai tổ chức
13.2	Thủ tục đăng cai giải thi đấu, trận thi đấu thể thao thành tích cao khác do liên đoàn thể thao tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức

13.3	Thủ tục đăng cai tổ chức giải thi đấu vô địch từng môn thể thao của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương
14	LĨNH VỰC NGƯỜI CÓ CÔNG
14.1	Trợ cấp một lần đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến.
14.2	Trợ cấp hàng tháng đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến.
14.3	Giải quyết hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động.
14.4	Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào, Campuchia.
14.5	Cấp bằng “Tổ quốc ghi công”
14.6	Cấp bằng “Tổ quốc ghi công” đối với người hy sinh nhưng chưa được cấp Bằng “Tổ quốc ghi công” mà thân nhân đã được giải quyết chế độ ưu đãi từ ngày 31/12/1994 trở về trước
15	LĨNH VỰC GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP
15.1	Thủ tục thành lập trường trung cấp công lập thuộc tỉnh
15.2	Thủ tục cho phép thành lập trường trung cấp tư thục
15.3	Thủ tục cho phép thành lập trường trung cấp tư thục có từ 02 thành viên góp vốn trở lên
15.4	Thủ tục thành lập trung tâm giáo dục nghề nghiệp công lập thuộc tỉnh
15.5	Thủ tục cho phép thành lập trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thục trên địa bàn tỉnh
15.6	Thủ tục cho phép thành lập trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thục trên địa bàn tỉnh có từ 02 thành viên góp vốn trở lên
15.7	Thủ tục thành lập, cho phép thành lập phân hiệu của trường trung cấp tư thục trên địa bàn tỉnh có từ 02 thành viên góp vốn trở lên
15.8	Thủ tục đổi tên trường trung cấp công lập, trường trung cấp tư thục, trung tâm giáo dục nghề nghiệp công lập, trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thục trên địa bàn tỉnh
15.9	Thủ tục giải thể trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp công lập thuộc tỉnh và trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thục trên địa bàn tỉnh

15.10	Thủ tục thành lập trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh và trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thục trên địa bàn tỉnh.
15.11	Thủ tục chia, tách, sáp nhập trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh và trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thục trên địa bàn tỉnh.
15.12	Thủ tục công nhận Giám đốc trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thục.
15.13	Thành lập Hội đồng trường trung cấp công lập
15.14	Thay thế Chủ tịch, Thư ký, thành viên Hội đồng trường trung cấp công lập
15.15	Miễn nhiệm, cách chức Chủ tịch, Thư ký, thành viên Hội đồng trường trung cấp công lập
15.16	Thủ tục thành lập Hội đồng trường cao đẳng công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
15.17	Thay thế Chủ tịch, Thư ký, thành viên Hội đồng trường cao đẳng công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
15.18	Miễn nhiệm, cách chức Chủ tịch, Thư ký, thành viên Hội đồng trường cao đẳng công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
15.19	Giải thể trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài
15.20	Đổi tên trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài
15.21	Cho phép thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thục hoạt động không vì lợi nhuận
15.22	Công nhận trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thục, trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyên sang hoạt động không vì lợi nhuận
15.23	Cho phép thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động không vì lợi nhuận
15.24	Chia, tách, sáp nhập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài
15.25	Cho phép thành lập phân hiệu của trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài
15.26	Thành lập phân hiệu của trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; cho phép thành lập phân hiệu của trường trung cấp tư thục trên địa bàn

16	LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
16.1	Thành lập trường trung học phổ thông công lập hoặc cho phép thành lập trường trung học phổ thông tư thục
16.2	Sáp nhập, chia, tách trường trung học phổ thông
16.3	Sáp nhập, chia, tách trường trung học phổ thông chuyên
16.4	Sáp nhập, chia, tách trường phổ thông dân tộc nội trú
16.5	Thành lập trường trung cấp sư phạm công lập, cho phép thành lập trường trung cấp sư phạm tư thục
16.6	Sáp nhập, chia, tách trường trung cấp sư phạm
16.7	Thành lập phân hiệu trường trung cấp sư phạm hoặc cho phép thành lập phân hiệu trường trung cấp sư phạm tư thục.
16.8	Thành lập trường trung học phổ thông chuyên công lập hoặc cho phép thành lập trường trung học phổ thông chuyên tư thục.
16.9	Thành lập trường phổ thông dân tộc nội trú
16.10	Giải thể trường phổ thông dân tộc nội trú (theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường)
16.11	Công nhận trường mầm non đạt chuẩn quốc gia.
16.12	Giải thể trường phổ thông trung học (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường phổ thông trung học)
16.13	Giải thể trường trung học phổ thông chuyên.
16.14	Xếp hạng trung tâm giáo dục thường xuyên.
16.15	Giải thể trường trung cấp sư phạm (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường trung cấp)
16.16	Giải thể phân hiệu trường trung cấp sư phạm (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập phân hiệu trường trung cấp)
16.17	Cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.
16.18	Giải thể cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.
16.19	Công nhận trường trung học đạt chuẩn quốc gia.
16.20	Công nhận trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia.

16.21	Thành lập Trung tâm GDTX
16.22	Cho phép Trung tâm GDTX hoạt động giáo dục trở lại
16.23	Thẩm định sáp nhập, chia tách Trung tâm GDTX
16.24	Giải thể Trung tâm GDTX
16.25	Thẩm định thành lập Trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập công lập hoặc cho phép thành lập Trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập tư thực
16.26	Thẩm định tổ chức lại, cho phép tổ chức lại Trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập
16.27	Thẩm định giải thể Trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập
16.28	Chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thực do nhà đầu tư nước ngoài đầu tư sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thực hoạt động không vì lợi nhuận
16.29	Chuyển đổi trường trung học phổ thông tư thực, trường phổ thông tư thực có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông do nhà đầu tư trong nước đầu tư và trường phổ thông tư thực do nhà đầu tư nước ngoài đầu tư sang trường phổ thông tư thực hoạt động không vì lợi nhuận
17	LĨNH VỰC TIẾP NHẬN VIỆN TRỢ PHI CHÍNH PHỦ NƯỚC NGOÀI
17.1	Thủ tục tiếp nhận dự án hỗ trợ kỹ thuật sử dụng nguồn viện trợ phi chính phủ nước ngoài
17.2	Thủ tục tiếp nhận chương trình sử dụng nguồn viện trợ phi chính phủ nước ngoài
18	LĨNH VỰC ĐẦU THẦU LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ
18.1	Danh mục dự án đầu tư có sử dụng đất do nhà đầu tư đề xuất (đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư)
19	LĨNH VỰC ĐẦU TƯ BẰNG NGUỒN VỐN HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN CHÍNH THỨC (ODA) VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI
19.1	Lập, thẩm định, quyết định phê duyệt Văn kiện dự án hỗ trợ kỹ thuật, phi dự án sử dụng vốn ODA viện trợ không hoàn lại
19.2	Lập, thẩm định, quyết định đầu tư chương trình, dự án đầu tư thuộc thẩm quyền của người đứng đầu cơ quan chủ quản
20	LĨNH VỰC ĐẦU TƯ VÀO NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN

20.1	Cam kết hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ
20.2	Thủ tục quyết định hỗ trợ đầu tư cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ đối với trường hợp không sử dụng vốn Trung ương
20.3	Thủ tục quyết định hỗ trợ đầu tư cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ đối với trường hợp sử dụng vốn Trung ương
21	LĨNH VỰC ĐẦU TƯ BẰNG NGUỒN VỐN HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN CHÍNH THỨC VÀ VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ
21.1	Thẩm định, phê duyệt văn kiện chương trình, dự án hỗ trợ kỹ thuật sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ
21.2	Thẩm định, phê duyệt văn kiện chương trình, dự án ô sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ đối với dự án nhóm A
21.3	Thẩm định, phê duyệt văn kiện chương trình, dự án ô sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ đối với dự án nhóm B
21.4	Thẩm định, phê duyệt văn kiện chương trình, dự án ô sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ đối với dự án nhóm C
21.5	Thẩm định, phê duyệt văn kiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ đối với dự án nhóm A
21.6	Thẩm định, phê duyệt văn kiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ đối với dự án nhóm B
21.7	Thẩm định, phê duyệt văn kiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ đối với dự án nhóm C
21.8	Thẩm định, phê duyệt văn kiện chương trình, dự án hỗ trợ kỹ thuật sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi thuộc thẩm quyền phê duyệt của cơ quan chủ quản
21.9	Thẩm định, phê duyệt văn kiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi thuộc thẩm quyền phê duyệt của cơ quan chủ quản đối với dự án nhóm A

21.10	Thẩm định, phê duyệt văn kiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi thuộc thẩm quyền phê duyệt của cơ quan chủ quản đối với dự án nhóm B
21.11	Thẩm định, phê duyệt văn kiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi thuộc thẩm quyền phê duyệt của cơ quan chủ quản đối với dự án nhóm C
21.12	Thẩm định, phê duyệt văn kiện chương trình, dự án ô sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi thuộc thẩm quyền phê duyệt của cơ quan chủ quản đối với dự án nhóm A
21.13	Thẩm định, phê duyệt văn kiện chương trình, dự án ô sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi thuộc thẩm quyền phê duyệt của cơ quan chủ quản đối với dự án nhóm B
21.14	Thẩm định, phê duyệt văn kiện chương trình, dự án ô sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi thuộc thẩm quyền phê duyệt của cơ quan chủ quản đối với dự án nhóm C
22	LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC
22.1	Thủ tục cấp giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ
22.2	Thủ tục gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ
22.3	Thủ tục cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000 m ³ /ngày đêm
22.4	Thủ tục gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000 m ³ /ngày đêm
22.5	Thủ tục cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000 m ³ /ngày đêm
22.6	Thủ tục gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000 m ³ /ngày đêm
22.7	Thủ tục cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt dưới 2 m ³ /giờ đối với sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, dưới 2.000kw đối với phát điện, dưới 50.000 m ³ /ngày đêm đối với mục đích khác; khai thác, sử dụng nước biên dưới 100.000 m ³ /ngày đêm
22.8	Thủ tục gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt dưới 2 m ³ /giờ đối với sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, dưới 2.000kw đối với phát điện, dưới 50.000 m ³ /ngày đêm đối với mục đích khác; khai thác nước biên dưới 100.000 m ³ /ngày đêm
22.9	Thủ tục cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ

22.10	Thủ tục cấp lại giấy phép tài nguyên nước
22.11	Thủ tục lấy ý kiến cấp tỉnh đối với các dự án đầu tư có chuyển nước từ nguồn nước liên tỉnh, dự án đầu tư xây dựng hồ, đập trên dòng chính thuộc lưu vực sông liên tỉnh
22.12	Thủ tục thẩm định, phê duyệt phương án cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước đối với hồ chứa thủy điện và hồ chứa thủy lợi
22.13	Điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước
22.14	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình đã vận hành
22.15	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình chưa vận hành
23	LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN KHOÁNG SẢN
23.1	Thủ tục cấp giấy phép thăm dò khoáng sản
23.2	Thủ tục gia hạn giấy phép thăm dò khoáng sản
23.3	Thủ tục chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản
23.4	Thủ tục phê duyệt trữ lượng khoáng sản
23.5	Thủ tục cấp, điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản; cấp giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình.
23.6	Thủ tục gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản
23.7	Thủ tục trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích thăm dò khoáng sản.
23.8	Thủ tục trả lại giấy phép khai thác khoáng sản, trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản.
23.9	Thủ tục chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản
23.10	Thủ tục cấp giấy phép khai thác tận thu khoáng sản
23.11	Thủ tục gia hạn giấy phép khai thác tận thu khoáng sản
23.12	Thủ tục trả lại giấy phép khai thác tận thu khoáng sản

23.13	Thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản
23.14	Thủ tục đăng ký khai thác khoáng sản vật liệu xây dựng thông thường trong diện tích dự án xây dựng công trình (đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc cho phép đầu tư mà sản phẩm khai thác chỉ được sử dụng cho xây dựng công trình đó) bao gồm cả đăng ký khối lượng cát, sỏi thu hồi từ dự án nạo vét, khơi thông luồng lạch.
23.15	Thủ tục đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa thăm dò khoáng sản
23.16	Thủ tục đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực đã có kết quả thăm dò khoáng sản được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt
23.17	Chấp thuận tiến hành khảo sát thực địa, lấy mẫu trên mặt đất để lựa chọn diện tích lập đề án thăm dò khoáng sản
24	LĨNH VỰC BIỂN - HẢI ĐẢO
24.1	Cấp Giấy phép nhận chìm ở biển
24.2	Gia hạn Giấy phép nhận chìm ở biển
24.3	Sửa đổi, bổ sung Giấy phép nhận chìm ở biển
24.4	Trả lại Giấy phép nhận chìm ở biển
24.5	Cấp lại Giấy phép nhận chìm ở biển
24.6	Công nhận khu vực biển cấp tỉnh
24.7	Giao khu vực biển cấp tỉnh
24.8	Gia hạn thời hạn giao khu vực biển cấp tỉnh
24.9	Sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển cấp tỉnh
24.10	Trả lại khu vực biển cấp tỉnh
25	LĨNH VỰC KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN
25.1	Thủ tục cấp giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn
25.2	Thủ tục sửa đổi, bổ sung, gia hạn giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn

25.3	Thủ tục cấp lại giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn
26	LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG
26.1	Thủ tục cấp giấy phép môi trường
26.2	Thủ tục cấp đổi giấy phép môi trường
26.3	Thủ tục cấp điều chỉnh giấy phép môi trường
26.4	Thủ tục cấp lại giấy phép môi trường
26.5	Thủ tục thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường
26.6	Thủ tục thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản
27	LĨNH VỰC QUỸ ĐẤT THUỘC SỞ HỮU NHÀ NƯỚC
27.1	Thủ tục xem xét việc sử dụng quỹ đất của cơ sở nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước tại vị trí cũ do cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp nhà nước thuộc địa phương quản lý, để thanh toán Dự án BT đầu tư xây dựng công trình tại vị trí mới.
27.2	Thủ tục chi trả các khoản chi phí liên quan (kể cả chi phí di dời các hộ gia đình, cá nhân trong khuôn viên cơ sở nhà đất thực hiện bán) từ số tiền thu được từ bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất
27.3	Thủ tục chi trả số tiền thu được từ bán tài sản trên đất của công ty nhà nước
27.4	Thủ tục quyết định số tiền được sử dụng để thực hiện dự án đầu tư và cấp phát, quyết toán số tiền thực hiện dự án đầu tư
27.5	Thủ tục thanh toán số tiền hỗ trợ di dời các hộ gia đình, cá nhân đã bố trí làm nhà ở trong khuôn viên cơ sở nhà, đất khác (nếu có) của cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, các tổ chức thuộc cùng phạm vi quản lý của UBND tỉnh Khánh Hòa
28	LĨNH VỰC TÀI CHÍNH
28.1	Phê duyệt quyết toán dự án nhóm A
28.2	Phê duyệt quyết toán dự án nhóm B
29	LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI (phải có trích lục địa chính)
29.1	Thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép của cơ quan có thẩm quyền đối với tổ chức

29.2	Thủ tục giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với dự án phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt hoặc phải cấp giấy chứng nhận đầu tư mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao.
29.3	Thủ tục giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với dự án không phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt hoặc phải cấp giấy chứng nhận đầu tư mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao.
29.4	Thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu
29.5	Thủ tục đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu (đối với tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài thực hiện dự án đầu tư, tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài) trường hợp UBND tỉnh ký giấy chứng nhận
29.6	Thủ tục cấp GCN QSD đất sau khi ban hành Quyết định giao đất, cho thuê đất
29.7	Thủ tục bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm
29.8	Thủ tục đăng ký biến động đối với trường hợp chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền
29.9	Thủ tục gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tế
29.10	Thủ tục thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện (trường hợp Giấy chứng nhận do Văn phòng Đăng ký đất đai, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh cấp cho tổ chức)
29.11	Thủ tục gia hạn sử dụng đất nông nghiệp của cơ sở tôn giáo
29.12	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu
29.13	Điều chỉnh quyết định thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất của Thủ tướng Chính phủ đã ban hành trước ngày 01 tháng 7 năm 2004
29.14	Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
30	LĨNH VỰC VIỆC LÀM

30.1	Báo cáo giải trình nhu cầu, thay đổi nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài
30.2	Thu hồi giấy hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm
30.3	Rút tiền ký quỹ của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm
30.4	Cấp giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm
30.5	Gia hạn giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm
30.6	Cấp lại giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm
30.7	Đề nghị tuyển người lao động Việt Nam vào các vị trí công việc dự kiến tuyển người lao động nước ngoài
31	LĨNH VỰC QUỐC TỊCH
31.1	Thủ tục nhập quốc tịch Việt Nam
31.2	Thủ tục thôi quốc tịch Việt Nam
31.3	Thủ tục trở lại quốc tịch Việt Nam
32	LĨNH VỰC NUÔI CON NUÔI
32.1	Thủ tục đăng ký lại việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài
32.2	Thủ tục giải quyết việc người nước ngoài thường trú ở Việt Nam nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi
33	LĨNH VỰC QUẢN LÝ CÔNG CHỨNG
33.1	Thủ tục thành lập Văn phòng công chứng
33.2	Thủ tục chuyển đổi Văn phòng công chứng do một công chứng viên thành lập
33.3	Thủ tục hợp nhất Văn phòng công chứng
33.4	Thủ tục sáp nhập Văn phòng công chứng
33.5	Thủ tục chuyển nhượng Văn phòng công chứng
34	LĨNH VỰC BỒI THƯỜNG NHÀ NƯỚC

34.1	Thủ tục xác định cơ quan có trách nhiệm bồi thường
35	LĨNH VỰC QUẢN LÝ CÔNG SẢN
35.1	Thủ tục về hoàn trả hoặc khấu trừ tiền sử dụng đất đã nộp hoặc tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã trả vào nghĩa vụ tài chính của chủ đầu tư dự án nhà ở xã hội
35.2	Thủ tục quyết định sử dụng tài sản công để tham gia dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư
35.3	Thủ tục phê duyệt đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích kinh doanh, cho thuê
35.4	Thủ tục phê duyệt đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích liên doanh, liên kết
35.5	Thủ tục Quyết định mua sắm tài sản công phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị trong trường hợp không phải thành lập dự án đầu tư.
35.6	Thủ tục Quyết định thuê tài sản phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị trong trường hợp không phải thành lập dự án đầu tư.
35.7	Thủ tục Quyết định chuyển đổi công năng sử dụng tài sản công trong trường hợp không thay đổi đối tượng quản lý, sử dụng tài sản công.
35.8	Thủ tục Quyết định thu hồi tài sản công trong trường hợp cơ quan nhà nước được giao quản lý, sử dụng tài sản công tự nguyện trả lại tài sản cho nhà nước.
35.9	Thủ tục Quyết định thu hồi tài sản công trong trường hợp thu hồi tài sản công theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ và e khoản 1 Điều 41 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.
35.10	Thủ tục Quyết định điều chuyển tài sản công.
35.11	Thủ tục Quyết định bán tài sản công
35.12	Thủ tục Quyết định bán tài sản công cho người duy nhất theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ.
35.13	Thủ tục Quyết định hủy bỏ Quyết định bán đấu giá tài sản công.
35.14	Thủ tục Quyết định thanh lý tài sản công.

35.15	Thủ tục Quyết định tiêu hủy tài sản công.
35.16	Thủ tục Quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại.
35.17	Thủ tục Quyết định xử lý tài sản công phục vụ hoạt động của dự án khi dự án kết thúc
35.18	Thủ tục Quyết định xử lý tài sản công bị hư hỏng, không sử dụng được hoặc không còn nhu cầu sử dụng trong quá trình thực hiện dự án.
36	LĨNH VỰC ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA
36.1	Chấp thuận chủ trương nhà đầu tư thực hiện dự án nạo vét theo hình thức kết hợp tận thu sản phẩm, không sử dụng ngân sách nhà nước trên các tuyến đường thủy nội địa (đối với dự án trong danh mục dự án đã công bố)
36.2	Công bố mở luồng chuyên dùng nối với luồng địa phương
36.3	Công bố đóng luồng đường thủy nội địa khi không có nhu cầu khai thác, sử dụng
36.4	Thỏa thuận về nội dung liên quan đến đường thủy nội địa đối với công trình không thuộc kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa và các hoạt động trên đường thủy nội địa.
37	LĨNH VỰC LAO ĐỘNG, TIỀN LƯƠNG
37.1	Phê duyệt quỹ tiền lương, thù lao thực hiện, quỹ tiền thưởng thực hiện năm trước và quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch đối với người quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do UBND tỉnh Khánh Hòa làm chủ sở hữu.
37.2	Xếp hạng công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do UBND tỉnh Khánh Hòa làm chủ sở hữu (hạng Tổng Công ty và tương đương, hạng I, hạng II và hạng III)
37.3	Hỗ trợ người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động hoặc nghỉ việc không hưởng lương do đại dịch COVID-19
37.4	Hỗ trợ người sử dụng lao động vay vốn để trả lương ngừng việc đối với người lao động phải ngừng việc do đại dịch COVID-19
37.5	Thành lập Hội đồng thương lượng tập thể
37.6	Thay đổi Chủ tịch Hội đồng thương lượng tập thể, đại diện UBND cấp tỉnh, chức năng, nhiệm vụ, kế hoạch, thời gian hoạt động của Hội đồng thương lượng tập thể.
37.7	Cấp Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động

37.8	Gia hạn Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động
37.9	Cấp lại Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động
37.10	Thu hồi Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động
37.11	Rút tiền ký quỹ của doanh nghiệp cho thuê lại lao động
37.12	Xếp hạng công ty TNHH MTV do UBND tỉnh, thành phố làm chủ sở hữu (hạng Tổng Công ty và tương đương, hạng I, hạng II và hạng III)
38	LĨNH VỰC QUY HOẠCH - KIẾN TRÚC
38.1	Thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh.
38.2	Thẩm định, phê duyệt đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh
39	LĨNH VỰC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG, GIÁM ĐỊNH VIÊN TƯ PHÁP
39.1	Bổ nhiệm giám định viên tư pháp xây dựng đối với cá nhân khác không thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Xây dựng.
39.2	Đăng ký công bố thông tin người giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc, tổ chức giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc đối với các cá nhân, tổ chức không thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Xây dựng, văn phòng giám định tư pháp xây dựng trên địa bàn được UBND tỉnh cho phép hoạt động
39.3	Điều chỉnh, thay đổi thông tin cá nhân, tổ chức giám định tư pháp xây dựng đối với cá nhân, tổ chức do UBND tỉnh đã tiếp nhận đăng ký, công bố thông tin.
40	LĨNH VỰC NHÀ Ở
40.1	Lựa chọn chủ nhà đầu tư dự án xây dựng nhà ở thương mại đối với trường hợp chỉ định chủ đầu tư quy định tại khoản 2 Điều 18 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ.
40.2	Thuê nhà ở công vụ thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh.
40.3	Cho thuê, thuê mua nhà ở xã hội thuộc sở hữu nhà nước.

40.4	Cho thuê nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước.
40.5	Bán nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước.
40.6	Thẩm định giá bán, thuê mua, thuê nhà ở xã hội được đầu tư xây dựng theo dự án bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước trên phạm vi địa bàn tỉnh.
41	LĨNH VỰC KINH DOANH BẤT ĐỘNG SẢN
41.1	Chuyên nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án bất động sản do UBND cấp tỉnh quyết định việc đầu tư.
42	LĨNH VỰC THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ
42.1	Cấp giấy bán lẻ lập cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT)
43	LĨNH VỰC QUẢN LÝ GIÁ
43.1	Quyết định giá thuộc thẩm quyền của cấp tỉnh
44	LĨNH VỰC ĐẦU TƯ NGOÀI NGÂN SÁCH
44.1	Cấp quyết định chủ trương đầu tư của UBND tỉnh đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư có vốn đầu tư dưới 5.000 tỷ đồng.
44.2	Cấp quyết định chủ trương đầu tư của UBND tỉnh đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư có vốn đầu tư từ 5.000 tỷ đồng trở lên phù hợp với quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt thực hiện bên ngoài Khu kinh tế Vân Phong và các Khu công nghiệp.
44.3	Điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của UBND tỉnh đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.
44.4	Cấp quyết định chủ trương đầu tư của UBND tỉnh và cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án có vốn đầu tư dưới 5.000 tỷ đồng.
44.5	Cấp quyết định chủ trương đầu tư của UBND tỉnh và cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án có vốn đầu tư từ 5.000 tỷ đồng trở lên phù hợp với quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt thực hiện bên ngoài Khu kinh tế Vân Phong và các Khu công nghiệp
44.6	Điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của UBND tỉnh và điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

44.7	Chuyển nhượng dự án đầu tư đối với dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư của UBND tỉnh đối với trường hợp không cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.
44.8	Chuyển nhượng dự án đầu tư đối với dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư của UBND tỉnh đối với trường hợp cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.
45	LĨNH VỰC KINH TẾ HỢP TÁC VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
45.1	Công nhận làng nghề truyền thống
45.2	Công nhận nghề truyền thống
45.3	Công nhận làng nghề.
45.4	Hỗ trợ dự án liên kết.
46	LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP
46.1	Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác
46.2	Phê duyệt đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý
46.3	Phê duyệt đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng phòng hộ đối với khu rừng phòng hộ thuộc địa phương quản lý
46.4	Phê duyệt chương trình, dự án và hoạt động phi dự án được hỗ trợ tài chính của Quỹ bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh
46.5	Giao rừng cho tổ chức
46.6	Miễn, giảm chi trả dịch vụ môi trường rừng (đối với tổ chức, cá nhân sử dụng DVMTR nằm trong phạm vi một tỉnh).
46.7	Thẩm định, phê duyệt phương án trồng rừng thay thế diện tích rừng chuyển sang mục đích khác.
46.8	Nộp tiền trồng rừng thay thế về Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh (trường hợp UBND cấp tỉnh bố trí đất để trồng rừng thay thế).
46.9	Nộp tiền trồng rừng thay thế về Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh (trường hợp UBND cấp tỉnh không còn quỹ đất quy hoạch phát triển rừng để trồng rừng thay thế).
46.10	Phê duyệt, điều chỉnh, thiết kế dự toán công trình lâm sinh (đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định đầu tư)

46.11	Thẩm định, phê duyệt báo cáo xác định vùng đệm khu rừng đặc dụng và khu bảo tồn biển thuộc địa phương quản lý.
46.12	Thẩm định, phê duyệt Quy hoạch khu rừng đặc dụng do địa phương quản lý.
46.13	Thẩm định Quy hoạch khu rừng đặc dụng cấp tỉnh.
46.14	Phê duyệt Quy hoạch khu rừng đặc dụng cấp tỉnh.
46.15	Thẩm định điều chỉnh các phân khu chức năng không làm thay đổi diện tích đối với khu rừng đặc dụng do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập thuộc địa phương quản lý.
46.16	Phê duyệt điều chỉnh các phân khu chức năng không làm thay đổi diện tích đối với khu rừng đặc dụng do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập thuộc địa phương quản lý.
46.17	Thẩm định, phê duyệt điều chỉnh tăng diện tích đối với khu rừng đặc dụng do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập thuộc địa phương quản lý.
46.18	Thẩm định, phê duyệt điều chỉnh giảm diện tích đối với khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý.
46.19	Thẩm định, phê duyệt cho Ban Quản lý khu rừng đặc dụng lập, tổ chức thực hiện hoặc liên kết với các đối tác đầu tư để thực hiện các phương án chi trả dịch vụ môi trường rừng đối với khu rừng thuộc địa phương quản lý.
46.20	Thẩm định, phê duyệt cho Ban Quản lý khu rừng đặc dụng tự tổ chức hoặc liên kết với tổ chức, cá nhân khác để kinh doanh dịch vụ nghỉ dưỡng, du lịch sinh thái, vui chơi giải trí lập dự án du lịch sinh thái đối với khu rừng thuộc địa phương quản lý.
46.21	Thẩm định dự án đầu tư vùng đệm đối với khu rừng thuộc địa phương quản lý.
46.22	Phê duyệt dự án đầu tư vùng đệm đối với khu rừng thuộc địa phương quản lý.
46.23	Thẩm định, phê duyệt cho Ban Quản lý khu rừng đặc dụng cho tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng để kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái đối với khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý.
46.24	Thẩm định, phê duyệt điều chỉnh các phân khu chức năng không làm thay đổi diện tích khu rừng đặc dụng đối với khu rừng đặc dụng do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập thuộc địa phương quản lý
46.25	Thẩm định, phê duyệt điều chỉnh tăng diện tích đối với khu rừng đặc dụng do Thủ tướng Chính phủ thành lập thuộc địa phương quản lý
46.26	Cho thuê rừng đối với tổ chức.

46.27	Thu hồi rừng của tổ chức được Nhà nước giao rừng không thu tiền sử dụng hoặc được giao rừng có thu tiền sử dụng rừng mà tiền đó có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước hoặc được thuê rừng trả tiền thuê hàng năm nay chuyển đi nơi khác, đề nghị giảm diện tích rừng hoặc không có nhu cầu sử dụng rừng; chủ rừng tự nguyện trả lại rừng thuộc thẩm quyền UBND cấp tỉnh (chủ rừng là tổ chức trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài)
46.28	Cấp phép trồng cao su trên đất rừng tự nhiên, rừng trồng bằng vốn ngân sách, vốn viện trợ không hoàn lại đối với tổ chức.
46.29	Cho phép chuyển đổi mục đích sử dụng giữa 03 loại rừng đối với những khu rừng do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xác lập
46.30	Thẩm định, phê duyệt đề án thành lập Trung tâm cứu hộ, bảo tồn và phát triển sinh vật (đối với khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý)
47	LĨNH VỰC THỦY LỢI
47.1	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hoạt động: nuôi trồng thủy sản; nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.
47.2	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hoạt động: du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.
47.3	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép: trồng cây lâu năm; hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.
47.4	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép: xây dựng công trình mới; lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; khoan, đào khảo sát địa chất, thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất, xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.
47.5	Cấp giấy phép nuôi trồng thủy sản thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.
47.6	Cấp giấy phép cho các hoạt động trồng cây lâu năm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.
47.7	Cấp giấy phép hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ của UBND tỉnh.
47.8	Cấp giấy phép nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.
47.9	Cấp giấy phép hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.

47.10	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: xây dựng công trình mới; lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư phương tiện; khoan đào khảo sát địa chất, thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.
47.11	Phê duyệt, điều chỉnh phương án cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn UBND tỉnh quản lý.
47.12	Phê duyệt, điều chỉnh quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do UBND tỉnh quản lý.
47.13	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp tên chủ giấy phép đã được cấp bị thay đổi do chuyển nhượng, sát nhập, chia tách, cơ cấu lại tổ chức thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.
47.14	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp bị mất, bị rách, hư hỏng thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.
47.15	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh.
47.16	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh.
47.17	Thẩm định, phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh.
47.18	Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh.
48	LĨNH VỰC TỔ CHỨC BỘ MÁY NHÀ NƯỚC
48.1	Thủ tục thẩm định thành lập đơn vị sự nghiệp công lập.
48.2	Thủ tục thẩm định, tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập.
48.3	Thủ tục thẩm định giải thể đơn vị sự nghiệp công lập
49	LĨNH VỰC THỦY SẢN
49.1	Hỗ trợ một lần sau đầu tư đóng mới tàu cá
49.2	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ 2 huyện trở lên)
49.3	Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ 2 huyện trở lên) trường hợp thay đổi tên tổ chức cộng đồng

49.4	Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ 2 huyện trở lên) trường hợp sửa đổi, bổ sung vị trí, ranh giới khu vực địa lý được giao; phạm vi quyền được giao; phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản
49.5	Công bố mở cảng cá loại 2
50	LĨNH VỰC HÀNG HẢI
50.1	Chấp thuận vị trí đổ chất nạo vét trên bờ đối với hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa.
51	LĨNH VỰC LUẬT SƯ
51.1	Phê duyệt đề án tổ chức Đại hội nhiệm kỳ, Đại hội bất thường, phương án xây dựng nhân sự Ban Chủ nhiệm, Hội đồng khen thưởng, kỷ luật của Đoàn luật sư.
51.2	Phê chuẩn kết quả Đại hội luật sư.
52	LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP
52.1	Công nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.
52.2	Công nhận lại doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.
52.3	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương (cấp tỉnh)
53	LĨNH VỰC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
53.1	Chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp hoạt động thử nghiệm, giám định, kiểm định, chứng nhận
53.2	Thay đổi, bổ sung phạm vi, lĩnh vực đánh giá sự phù hợp được chỉ định
53.3	Cấp lại Quyết định chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp
54	LĨNH VỰC DÂN TỘC
54.1	Công nhận người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số
54.2	Đưa ra khỏi danh sách người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số
55	LĨNH VỰC ĐIỆN ẢNH

55.1	Cấp giấy phép phân loại phim
56	LĨNH VỰC THỪA PHÁT LẠI
56.1	Thành lập Văn phòng Thừa phát lại
56.2	Chuyển đổi loại hình hoạt động Văn phòng Thừa phát lại
56.3	Hợp nhất, sáp nhập Văn phòng Thừa phát lại
56.4	Chuyển nhượng Văn phòng Thừa phát lại
57	LĨNH VỰC THƯ VIỆN
57.1	Thông báo thành lập đối với thư viện chuyên ngành ở cấp tỉnh, thư viện đại học là thư viện ngoài công lập và thư viện của tổ chức, cá nhân nước ngoài có phục vụ người Việt Nam
57.2	Thông báo sáp nhập, hợp nhất, chia, tách thư viện đối với thư viện chuyên ngành ở cấp tỉnh, thư viện đại học là thư viện ngoài công lập và thư viện của tổ chức, cá nhân nước ngoài có phục vụ người Việt Nam
57.3	Thông báo chấm dứt hoạt động đối với thư viện chuyên ngành ở cấp tỉnh, thư viện đại học là thư viện ngoài công lập và thư viện của tổ chức, cá nhân nước ngoài có phục vụ người Việt Nam
58	LĨNH VỰC AN TOÀN ĐẬP, HỒ CHỨA THỦY ĐIỆN
58.1	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy điện
58.2	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó khẩn cấp hồ chứa thủy điện
58.3	Thẩm định, phê duyệt quy trình vận hành hồ chứa thủy điện
58.4	Điều chỉnh quy trình vận hành hồ chứa thủy điện
59	LĨNH VỰC CÔNG TÁC THANH NIÊN
59.1	Thành lập tổ chức thanh niên xung phong ở cấp tỉnh
59.2	Giải thể tổ chức thanh niên xung phong ở cấp tỉnh
59.3	Xác nhận phiên hiệu thanh niên xung phong ở cấp tỉnh

60	LĨNH VỰC THI ĐUA - KHEN THƯỞNG
60.1	Xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”
60.2	Xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ ưu tú”
60.3	Xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể
60.4	Xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể
60.5	Xét tặng “Giải thưởng Hồ Chí Minh” về văn học, nghệ thuật
60.6	Xét tặng “Giải thưởng Nhà nước” về văn học, nghệ thuật
61	LĨNH VỰC HỘI NGHỊ, HỘI THẢO QUỐC TẾ
61.1	Cho phép tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế thuộc thẩm quyền cho phép của Thủ tướng Chính phủ
61.2	Cho phép tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế không thuộc thẩm quyền cho phép của Thủ tướng Chính phủ (thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh)
61.3	Cho chủ trương đăng cai tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế thuộc thẩm quyền cho phép của Thủ tướng Chính phủ
61.4	Cho chủ trương đăng cai tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế không thuộc thẩm quyền cho phép của Thủ tướng Chính phủ
62	LĨNH VỰC CÔNG CHỨNG
62.1	Thành lập Văn phòng Công chứng
62.2	Hợp nhất Văn phòng Công chứng
62.3	Sáp nhập Văn phòng Công chứng
62.4	Chuyển nhượng Văn phòng Công chứng
62.5	Thành lập Hội Công chứng viên
63	LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
63.1	Xét tiếp nhận vào viên chức và bổ nhiệm vào chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ đối với cá nhân có thành tích vượt trội trong hoạt động khoa học và công nghệ

63.2	Xét đặc cách bổ nhiệm vào chức danh khoa học, chức danh công nghệ cao hơn không qua thi thăng hạng, không phụ thuộc năm công tác
64	LĨNH VỰC TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG
64.1	Hỗ trợ lãi suất vay vốn tại tổ chức tín dụng để đầu tư phương tiện, đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt theo quy định tại khoản 3, Điều 4, khoản 3 Điều 5 Quyết định số 13/2015/QĐ-TTg ngày 05/5/2015 của TTgCP
65	LĨNH VỰC GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP
65.1	Miễn nhiệm giám định viên tư pháp
65.2	Bổ nhiệm và cấp thẻ giám định viên tư pháp
66	LĨNH VỰC VIÊN CHỨC
66.1	Tiếp nhận vào làm viên chức
66.2	Thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức
67	LĨNH VỰC TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP
67.1	Xử lý miễn lãi các khoản lãi chậm nộp của Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp
68	LĨNH VỰC TIẾP CÔNG DÂN, XỬ LÝ ĐƠN VÀ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI
68.1	Thủ tục tiếp công dân tại cấp tỉnh
68.2	Thủ tục xử lý đơn của Chủ tịch UBND tỉnh
68.3	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần đầu
68.4	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần hai
69	LĨNH VỰC CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG
69.1	Phân loại đơn vị hành chính cấp xã